

# VỀ TÍNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI CỦA ĐẠO HỒI

NGÔ VĂN DOANH\*

Qua sự hình thành và phát triển trong suốt chiều dài lịch sử, như nhiều nhà nghiên cứu tôn giáo đã nhận định, hơn bất kỳ một tôn giáo lớn nào khác của thế giới, các cộng đồng Hồi giáo không chỉ là một cộng đồng tôn giáo mà còn là một cộng đồng mang đậm tính chất xã hội và chính trị. Mà điểm đặc biệt này vốn đã có nguồn gốc ngay từ trong giáo lý cũng như từ lịch sử hình thành của đạo Hồi.

Ngay ở buổi ban đầu khi ra đời, do đặc thù của hoàn cảnh lịch sử là phải tuyên truyền tư tưởng của một tôn giáo độc thần cho những người đồng bào đa thần và phải đương đầu với sự thù địch ghê gớm của hai thế lực tôn giáo mạnh mẽ trong khu vực: Thiên chúa giáo và Do Thái giáo, nên vai trò lãnh tụ tôn giáo của Mohammad được gắn liền với vai trò là thủ lĩnh chính trị của ông. Mohammad không chỉ tổ chức một cộng đồng tôn giáo mà còn phải tổ chức một xã hội với bộ máy chính quyền của nó. Do vậy mà, giáo lý tôn giáo của ông đồng thời cũng phục vụ cho những mục tiêu chính trị – một phần không thể tách rời tôn giáo của ông. Trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy, vì là thủ lĩnh tôn giáo, nên Mohammad đồng thời cũng là thủ lĩnh chính trị. Chính vì thế mà, như đã thấy qua lịch sử, ngay từ khi mới xuất

hiện, đạo Hồi đã thể hiện không chỉ như một tôn giáo mà còn như một thể chế xã hội và chính trị.

Sau khi Mohammad qua đời, quan điểm của ông đã được những tín đồ kế thừa. Những tín đồ của Mohammad đã đưa quan điểm của ông vào kinh Koran và vào Hadith. Sau Mohammad, những người được bầu lên làm caliph (người kế vị Mohammad làm nhà lãnh đạo tôn giáo) thì đồng thời cũng là người chỉ huy cái đế chế Arập Hồi giáo vừa mới được thành lập. Caliph vừa là thủ lĩnh tôn giáo vừa là nguyên thủ của đế chế. Cho dù, vào giữa thế kỷ 7, vị caliph Muawiyah, thủ lĩnh của bộ tộc Omayyad đồng thời là người lập nên đế chế Omayyad, đã sử dụng tước vị caliph gắn với quyền kế thừa đế chế bằng việc chỉ định con trai mình làm caliph, thì sự liên kết chặt chẽ giữa tôn giáo với chính trị trong đạo Hồi vẫn còn nguyên. Dù sao thì việc Muawiyad làm đã gây ra sự phân liệt trong nội bộ thế giới Hồi giáo. Kết quả là đã xuất hiện những giáo phái của đạo Hồi. Và, như sự hình thành đạo Hồi, các phái của tôn giáo này nảy sinh và phát triển cũng bằng con đường đấu tranh quyết liệt cả về tôn giáo lẫn chính trị.

Không phải mãi đến thời Muawiyad, mà chẳng bao lâu sau cái chết của

\* PGS.TS Ngô Văn Doanh, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Mohammad, trong nội bộ thế giới đạo Hồi đã bắt đầu nảy sinh sự phân liệt quan trọng. Tất cả bắt đầu từ việc Mohammad không có con trai và không chỉ định người kế vị. Cho nên, sau khi Mohammad chết, theo truyền thống bàn bạc và đồng thuận các vấn đề giáo sự (hay thường được gọi là *sunna*), các tín đồ Hồi giáo đã bầu Abu Bakr, cộng sự thân cận nhất và là bố vợ của Mohammad, lên làm lãnh tụ. Ông được nhận tước hiệu *caliph*, có nghĩa là “người kế vị” của Mohammad để lãnh đạo các tín đồ chứ không phải là nhà tiên tri, vì, người Hồi giáo coi Mohammad là nhà tiên tri cuối cùng. Thế nhưng, Abu Bakr chỉ tại vị được có hai năm (ông mất năm 634). Các tín đồ Hồi giáo, thông qua *sunna*, bầu Umar Ibn al-Khattab lên làm *caliph*. Nhưng, năm 656, Umar lại bị ám sát. Lần này thì giữa các lãnh tụ Hồi giáo đã nảy sinh ra bất đồng về việc chọn *caliph*. Đa số bầu chọn Uthman Ibn Affan, một lãnh tụ Hồi giáo cao tuổi, xuất thân từ một gia đình giàu có và thế lực, lên làm *caliph*. Thế nhưng, một số khác lại chọn Alli, con trai Abu Talib, người cháu và là con rể của Mohammad, vì họ cho rằng, người nắm chức *caliph* phải là một người thuộc dòng dõi của nhà Tiên tri. Vì được thiếu số lựa chọn, Alli buộc phải chấp nhận quyết định của *sunna*. Nhưng những người ủng hộ Alli thì không chịu thua. Mười hai năm sau (năm 656) một người trong họ đã đâm chết Uthman, và, Alli trở thành *caliph*. Alli đã cho dời trung tâm thống trị về Irắc và đàn áp tất cả những người chống đối. Trong khi đó, nhiều nhân vật lớp trên, mượn cơ Alli có liên quan với việc ám sát Uthman, đã liên minh với bà quả phụ của Mohammad là Aisa đem quân chống lại Alli. Aisa ngồi trên kiệu lạc đà tham gia cuộc chiến với

Alli tại Pasula. Đây là cuộc nội chiến đầu tiên phát sinh trong lịch sử Hồi giáo. Vì sự kiện bà Aisa ngồi trên lạc đà, nên lịch sử gọi trận chiến ác liệt này là “chiến dịch lạc đà”. Trong chiến dịch, hai người lãnh đạo cuộc chiến chống lại Alli là Tôlêkha và Chupai bị tử thương, còn Aisa thì bị bắt.

Một lực lượng khác lớn mạnh và có khả năng đe dọa địa vị của Alli là tộc Umayyad xứ Siria. Thủ lĩnh của người Umayyad là Muawiya không thừa nhận Alli làm *caliph* mà cho rằng mình mới xứng đáng tước vị này. Và, tháng 7 năm 657, trên bình nguyên Suây, ở hữu ngạn sông Ôphơrat đã diễn ra cuộc quyết chiến giữa hai bên. Thế nhưng Alli vẫn giữ được tước vị *caliph* cho đến khi ông ta bị một thành viên của phái Khawarji (phái quân sự dân chủ, hay còn gọi là phái của những kẻ ra đi – phái đã tách khỏi lực lượng Alli, khi ông thực hiện chính sách hoà hoãn với phe của Muawiyad) ám sát vào năm 661. Khi Alli còn sống, các tín đồ ủng hộ và yêu quý ông đã hình thành một lực lượng chính trị lớn mạnh xưng là phái Shii (“Thập Diệp” dịch âm tiếng Arập, nguyên ý là “kẻ đi theo” hoặc “đồng đảng”). Thế nhưng, sau khi ông chết, Muawiyad đã nhanh chóng tập hợp lực lượng và tự tuyên bố mình là *caliph* mới và lập ra vương triều Umayyad. Những người của phái Thập Diệp vẫn tiếp tục tranh giành quyền *caliph*. Năm 680, người con thứ của Alli là Husain, trên đường dẫn quân từ Medina đi Irắc để hội nhập với phái Thập Diệp, bị quân của Umayyad tập kích và sát hại. Mặc dầu Husain bị sát hại, phái Thập Diệp vẫn tiếp tục mở rộng ảnh hưởng của mình, đặc biệt là ở Irắc và Ba Tư. Lợi dụng sức mạnh của phái Thập Diệp, người Abbasi đã lật đổ được ách

thống trị của Umayyad và lập ra vương triều Abbasi. Trong thời kỳ vương triều Abbasi, tư tưởng giáo nghĩa của phái Shii (Thập Diệp) đã được hoàn thiện.

Phái Shii chủ trương kế vị Mohammad phải là những người thuộc dòng dõi của Tiên tri. Đó là các *Imam* – những vị chủ tế hay thầy giảng có thẩm quyền và được thánh chỉ của đạo Hồi để dẫn dắt các tín đồ. Imam đầu tiên là Alli, con rể của Mohammad, sau đó đến con trai trưởng của Alli là Hassan, sau Hassan là Husain, con trai thứ của Alli, rồi sau đây là chín vị khác cũng thuộc dòng dõi của Tiên tri Mohammad. Các tín đồ của phái Shii cho rằng, Imam là lãnh tụ và thống soái của toàn thể Muslim, là người thầy vĩ đại nhất của loài người trên thế gian, địa vị và quyền lực của Imam là do Alla xác lập, sự kế truyền đời đời của Imam cũng do Alla quyết định. Imam, theo giáo nghĩa của Shii, không phải là người phạm tục mà là siêu nhân, có thần tính và thần quang; họ vĩnh viễn không thể phạm sai lầm, họ luôn đúng, vì họ đã kế thừa hết thảy những đạo đức và học vấn của Mohammad; họ là những người trung gian bảo đảm giữa Alla và con người; chỉ họ mới hiểu rõ và giải thích được những ẩn nghĩa của Koran và sáng tạo ra quyền lợi của đạo pháp. Theo cách nhìn của phái Shii, tất cả các Imam trên, trừ người cuối cùng, đều bị chết một cách bí ẩn. Phái Shii cho rằng, họ bị giết khi nổi dậy chống lại vương quyền của các caliph. Mà, theo quan niệm của những người Shii, các caliph của phái Sunni là đại diện cho các thế lực tiềm quyền hắc ám, luôn tìm cách tiêu diệt những phát ngôn viên chân chính trong dòng họ Tiên tri. Phái Shii tin rằng Alli và mười một vị Imam sau đó là những người đặc biệt thích

hợp để diễn giải những khái thị của Mohammad và dẫn dắt cộng đồng Hồi giáo, vì họ là hậu duệ của Tiên tri. Còn vị Imam thứ mười ba, Imam Zamah, tức Mandi (nghĩa là “những người được dắt vào chính đạo”), được những người Shii coi là Imam của mọi thời đại. Vị Imam cuối cùng này mất tích vào khoảng năm 873. Những người Shii tin là Thượng đế đã giấu ông ta đi không cho loài người nhìn thấy, và, rồi đến một ngày nào đó, ông ta sẽ quay lại để dẫn dắt cộng đồng Hồi giáo và mang sự công bằng trả lại cho thế giới. Do vị Imam cuối cùng hiện còn đang “ẩn thân”, nên những quyền năng kỳ lạ của một Imam được ông thực thi thông qua những lãnh tụ tinh thần hiện thân của các chi phái hay các quốc gia Hồi giáo Shii, gọi là *ayatolah*.

Quan niệm của phái Shii về Imam làm cho nhân vật này trở thành một tước vị thần linh và được tôn sùng gần như thần thánh. Làm như vậy nghĩa là họ đã xa rời tư tưởng chính thống của đạo Hồi coi Imam chỉ là một người kế vị (tức caliph). Các tín đồ phái Shii đặc biệt nhấn mạnh vai trò của Husain, vị Imam thứ ba, người đã bị quân đội của caliph Yazid giết chết. Cái chết của vị anh hùng trẻ tuổi và tài ba này được phái Shii nâng lên thành một sự kiện thần thánh: coi như thánh đồ tử vì đạo của phái Thập Diệp. Đền thánh của Husain ở Karbala, miền nam Irắc, nơi diễn ra trận chiến dẫn đến cái chết của Husain, đã trở thành địa điểm hành hương đông đúc. Như vậy, sự khác biệt cơ bản giữa phái Shii với đa số tín đồ tuân theo Sunna là vấn đề thừa kế quyền lực: với phái Sunni, quyền lực và việc quyết định các vấn đề tôn giáo là theo đường lối thoả thuận và nhất trí trong cộng đồng;

còn đối với Hồi giáo Shii, thì quyền lực nằm hoàn toàn nằm trong tay các vị Imam thuộc dòng dõi Tiên tri. Bởi vậy mà phái Sunni mang màu sắc dân chủ hơn và các lãnh tụ Sunni ít quyền lực hơn với các tín đồ, so với các lãnh tụ Shii.

Đại đa số những người Hồi giáo Shii chấp nhận danh sách tiêu chuẩn về mười hai vị Imam trước vị Imam “ẩn thân”, và, vì thế họ được gọi là giáo phái “Mười hai” hay Ashariah. Thế nhưng, một chi phái nhỏ hơn được gọi là phái *Ismail*, hay còn được gọi là phái “Bảy vị”, vì các tín đồ của chi phái này chỉ công nhận bảy vị Imam đầu tiên chứ không công nhận tư cách của những vị Imam còn lại. Vấn đề là, Phái “mười hai” cho rằng con trai út của vị Imam thứ sáu được thừa kế chức vị của cha vì con cả Ismail đã phạm tội uống rượu. Trong khi đó, phái Ismail lại khẳng định quyền kế vị đã được chuyển cho Ismail, và, tuyên bố Ismail là vị Imam hiện thân cuối cùng, nhưng con trai ông là Muhammad at-Tamm sẽ trở lại với tư cách là Mandi. Lịch sử Ismail là lịch sử, mà ở đó, chứng tỏ một xã hội cực đoan, mà xã hội này có thể dễ dàng chuyển từ chủ nghĩa lý tưởng sang chủ nghĩa cuồng tín, và, từ chủ nghĩa vô chính phủ sang chủ nghĩa chuyên chế. Vào thế kỷ 9, một nhóm tín đồ Ismail, gọi là những người Qarmati xuất hiện ở miền nam Irắc và Bahrain. Và, năm 930, họ tấn công vào Mekka và thậm chí còn mang cả tảng đá đen ra khỏi Kaaba. Những người Qarmati còn mở đường cho sự xuất hiện của triều đại Fatimid thuộc phái Ismail. Ngày nay, phái Shii chiếm khoảng 15 đến 20% các tín đồ Hồi giáo, và các tín đồ của giáo phái này trải ra trong toàn bộ thế giới Hồi giáo; nhưng, tập trung nhất là ở Iran. Những

nhà lãnh đạo Shii có uy tín rất lớn đối với các tín đồ, và, các phán quyết của họ có ý nghĩa như luật pháp. Ngoài ở Iran, phái Shii còn có mặt ở những nơi khác với những biến thái khác nhau. Phái Ismail ngày nay vẫn còn tồn tại dưới hình thức nhiều nhóm nhỏ. Nhóm Druze ở miền nam Sirya tuyên bố phái của họ được thành lập bởi thủ lĩnh đời thứ sáu của dòng họ Fatimid. Những môn phái Ismail khác tập trung ở Ấn Độ và Yemen. Nổi tiếng nhất và với số tín đồ đông đến hàng triệu là phong trào Hocca ở Ấn Độ, mà vị lãnh tụ tinh thần là Aga Khan (1877-1957).

Mặc dù có nguồn gốc đa dạng và phân tán về mặt chính trị, nhưng Hồi giáo Shii vẫn bám rễ chắc và lâu bền ở vùng bình nguyên Lưỡng Hà. Phái Shii cũng rất mạnh ở Iran, nơi vốn thuộc đạo Zoroastria. Ngoài Iran và Yemen, những nơi Hồi giáo Shii phát triển mạnh nhất, phái Shii còn có mặt như một dòng đạo Hồi mạnh ở Irắc, Libăng, Pakistan, Ấn Độ. Ở Karbala và Najaf trong lãnh thổ Irắc, có lăng mộ của Husain và Alli – những thánh địa nổi tiếng của Hồi giáo Shii. Các thành phố như Mashad, qumm của Iran cũng là các thánh địa quan trọng của phái Shii. Đối với các tín đồ phái Shii, ngoài tết giết sinh vật, tết bắt đầu chay tịnh và Thánh kỷ ra, tết Asura vào ngày 10 tháng 1 lịch Islam là ngày tết tôn giáo quan trọng của phái Shii kỷ niệm sự tuần nạn của Husain.

Sau khi phái Shii tách ra, đại đa số Muslim thừa nhận sự thực đã rồi, cho rằng caliph là lãnh tụ nắm đại quyền chính giáo, là người thay mặt cho sứ giả của Alla nhưng không giống sứ giả, không có quyền lập pháp và phải xuất thân từ bộ lạc Corai. Họ thừa nhận Abu Bakr, Umar,

Uthman và Alli đều là caliph, những người kế thừa hợp pháp của Mohammad. Còn tên của giáo phái Sunni bắt nguồn từ chữ Sunna, có nghĩa là “con đường quen đi”, ý muốn nói đến sự thống nhất giữa luật lệ với thực tiễn xã hội, cũng như muốn nói đến việc quyết định những vấn đề giáo sự dựa trên tập quán bàn bạc và đồng thuận. Các tín đồ của phái Sunni tin rằng, quyền lực xuất phát từ *imja*, tức là sự “nhất trí” của cộng đồng. Đây là một truyền thống được hình thành để hoà giải những khác biệt và sai lệch bên trong cộng đồng Hồi giáo. Từ khi những người Shii tự tách mình ra khỏi đa số, vì vấn đề kế vị, thì đa số vẫn tán thành bầu người kế vị, tức theo truyền thống Sunna, và, vì thế được gọi là phái Sunni. Phái Sunni chấp nhận trật tự lịch sử của các caliph và những lãnh tụ tôn giáo được bầu như một trình tự thực tế và đúng đắn.

Đối với phái Sunni, thẩm quyền cao nhất là luật Hồi giáo theo chỉ dẫn của kinh Koran. Mà, luật này không phải do một cá nhân nào đó diễn giải ra, mà được hình thành từ sự nhất trí của những người có học vấn, những người đưa ra các phán quyết của họ dựa trên những chỉ dẫn của kinh Koran và *hadith* (Sách Tiên tri), và bằng phép loại suy. Phái Sunni cho rằng, được công chúng ủng hộ và mến mộ, caliph không chỉ nắm giữ quyền thế tục tương đương với nhà vua, mà còn có chức trách trọng yếu là bảo hộ sự tín ngưỡng của đạo Islam.

Cả hai phái Shii và Sunni đều thờ kinh Koran, nhưng có chú thích riêng. Cả hai phái đều có thánh huấn riêng của mình. Phái Sunni rất coi trọng 6 bộ thánh huấn có tính quyền uy là: “Bukhari”, “Muslim” cùng với bốn bộ thánh huấn do Tiro Hidhi,

Abu, Dawidh, Nazza và Abu Maza biên soạn. Lễ nghi tôn giáo của hai phái về cơ bản là giống nhau, chỉ khác nhau ở một vài điểm. Tư tưởng tôn giáo của Sunni là dựa theo đà phát triển của Koran qua chú thích học, thánh huấn học, giáo pháp học và giáo nghĩa học, và, có xu hướng phát triển. Ngoài ra, Sunni còn lấy tư tưởng thần học của Al Ashari (873-935) làm cơ sở. Sau thế kỷ 12, Al Ghazali (1095-1111), nhà thần học đạo Hồi nổi tiếng, đã điều hoà chủ nghĩa Sufi và tín ngưỡng nhà nước, đem các nhân tố truyền thống, “duy lý luận” và chủ nghĩa thần bí tổng hợp lại để hình thành ra hệ thống tư tưởng thần học chính thống của phái Sunni thuộc nhà nước. Do từng nhận được sự ủng hộ của các caliph và tầng lớp thống trị qua các triều đại, cho nên, phái Sunni được gọi là “phái chính thống”.

Ngày nay, phái Sunni chiếm đại đa số (khoảng 80-85%) trong số một tỷ ba trăm triệu tín đồ Hồi giáo trên thế giới. Mặc dù hiện nay không có một tổ chức hay một quyền lực trung tâm nào, nhưng các tín đồ Sunni vẫn duy trì được tính thống nhất trong đức tin và nghi lễ thờ phụng. Tuy còn có người luyến tiếc chế độ các caliph trong quá khứ, nhưng Hồi giáo Sunni ngày nay đã mang tính chất tự trị trong từng quốc gia Hồi giáo. Còn quốc vương Ả-rập Xù-út có trách nhiệm bảo vệ và gìn giữ những thành phố thánh Makka và Medina, một chức năng thuộc về các caliph ngày xưa.

Mặc dầu được coi là phái chính thống và có số lượng tín đồ chiếm tuyệt đại đa số những tín đồ Hồi giáo trên thế giới, bên trong nội bộ Hồi giáo Sunni, cũng có nhiều trường phái diễn giải luật khác nhau. Thế nhưng, các trường phái Sunni khác nhau

này không tìm cách loại trừ nhau mà vẫn chấp nhận nhau. Và, một trong những chi phái Sunni đó là phái Wahhabi – một trào lưu cải cách bảo thủ, khát khe ra đời vào thế kỷ 18 - có ảnh hưởng lớn ở Ả-rập Xê-út.

Tuy nhỏ thôi, nhưng trong bức tranh về đạo Hồi, không thể thiếu một giáo phái mang tính mật tông rất đặc biệt, phái Sufi. Giáo phái này được thế giới không phải Hồi giáo biết đến với cái tên Sufism, còn những người đi theo đạo Hồi thì gọi các tín đồ của phái này là các sufi. Thượng đế của các sufi cũng là Thượng đế của người Hồi giáo trong kinh Koran. Nguồn gốc của cái tên sufi còn chưa rõ, nhưng nhiều người gán cho nó một từ Ả-rập, *suf*, có nghĩa là len thô, chỉ những người tu hành khổ hạnh đi tìm kiếm một con đường nội tâm mặc quần áo bằng len thô.

Sufi là một phái theo chủ nghĩa thần bí của đạo Hồi. Phái Hồi giáo này ra đời vào cuối thế kỷ 7 và đầu thế kỷ 8. Khi đó, nhờ vào những thắng lợi trong những cuộc chiến tranh xâm lược chinh phục của các caliph, đã diễn ra rất nhanh sự phân hoá giàu nghèo trong các tầng lớp tín đồ Hồi giáo. Một số người, do cảm thấy chán ngán với những hư vinh thế tục, đã đi tìm sự an ủi và giải thoát về mặt tinh thần, thông qua sự khắc kỷ, khổ hạnh, cấm dục và khước từ những lợi ích bề nổi vật chất của hiện thế giàu có. Họ mặc quần áo lông cừu dệt thô để biểu thị sự chất phác, coi trọng thực tiễn tôn giáo cá nhân, đi du ngoạn bốn phương, ăn xin trên dọc đường, dựa vào sự bố thí của người khác hoặc lao động của mình để sống. Vì thế, những người này được gọi là các sufi. Sau đó, bắt đầu xuất hiện những đoàn thể Sufi nhỏ có tổ chức.

Sau thế kỷ 9, phong trào Sufi lấy Irắc và Sirya làm trung tâm bắt đầu truyền

bá phái của mình tới các nơi ở Bắc Phi, Tây Ban Nha, Trung Á, Ba Tư, đại lục Nam Á. Sang thế kỷ 10, phái Sufi ở các nơi đã có những trung tâm và các thánh đường lớn nhỏ khác nhau. Đến thế kỷ 12, trên cơ sở những tu viện, đã hình thành các giáo đoàn với những tôn chỉ và phương thức tu luyện riêng của mình, có thủ lĩnh và đạo sư riêng. Giáo đoàn ở các thời kỳ đều có sự biến đổi, không ngừng xuất hiện những phân chi mới và mất đi nhưng phân chi cũ.

Các sufi không chỉ tuân phục ý chí và luật lệ của thượng đế “ở bề ngoài” như các tín đồ Hồi giáo bình thường mà còn cố gắng tiếp cận với Thượng đế một cách gần gũi hơn, thậm chí hợp nhất bản thân mình với sự tồn tại của Thượng đế. Họ tiến hành điều đó bằng những bí pháp và những phép mật tu. Các sufi tin rằng, phép tu của họ có nguồn gốc từ những trải nghiệm tâm linh của chính Mohammad. Theo suy nghĩ của họ, vị Tiên tri đã nhập định rất thâm sâu và hiểu biết Thượng đế một cách rất gần gũi, thậm chí đã từng trải nghiệm trạng thái xuất hồn. Phái Sufi dùng ngay một số đoạn thơ trong kinh Koran để biện minh cho việc có thể gặp Thượng đế ở khắp mọi nơi. Ví dụ như câu thơ sau: “Phương Đông và phương Tây đều thuộc Alla. Người quay hướng nào cũng giáp mặt Alla”. Và, xung quanh việc tìm kiếm bí thuật sufi, đã hình thành nên nhiều tập tục thờ phụng với những vẻ đẹp lạ thường được thể hiện qua những câu cách ngôn hoa mỹ, những bí thuật xuất hồn, những vũ điệu thiêng, những câu thần chú. Như vậy là, các sufi không chỉ tin rằng con đường của họ chính là con đường của Mohammad, mà nhiều người trong họ còn tin rằng, con đường

sufi mới thực sự là con đường ngắn nhất để đi đến sự giác ngộ.

Con đường mật tông sufi có liên quan đến các vị *sheikh*, tức các vị thầy tâm linh và các *wali*, tức các vị thánh. Các vị thánh này trong mật tông Sufi, không giống như Tiên tri Mohammad, nhưng về mặt nào đó, họ cũng vĩ đại gần như ông. Đối với sufi, tu hành để đạt đến *wilaya*, tức hàng thánh, là một mục tiêu tâm lý cũng cao cả như việc tuân phục ý chí của Thượng đế là mục tiêu biểu kiến của đạo Hồi. Từ sau thế kỷ 10, nhờ những bậc sufi vĩ đại hiện diện khắp thế giới Hồi giáo, mà những bí thuật mật tông sufi được phát triển và phổ biến ra nhiều nơi. Cho đến nay, các sufi với những bậc thánh sư của họ đã và đang là một lực lượng thu phục nhân tâm mạnh mẽ trong thế giới Hồi giáo, người ta có thể được một vị sheikh khai tâm bằng cách mật truyền cho một bí pháp hay một câu thần chú, rồi sau đó, họ có thể tự mình thực hành việc tu luyện. Thậm chí, một vài câu thần chú khai tâm sufi, nhất là ở đế quốc Ottoman trước kia, còn mang hàm ý chính trị và cách mạng. Vì thế mà nhiều sufi bị các chính phủ Hồi giáo hiện đại đàn áp, vì những người chủ trương hiện đại hoá coi thái độ của họ gọi lại tâm lý mê tín và phi sản xuất.

Các sufi với những bậc thánh sư của họ đã đóng một vai trò quan trọng trong việc truyền bá đạo Hồi vào Ấn Độ và Indônêxia thời kỳ đầu. Và, nếu không có những vị thánh bí ẩn và có vẻ ngoài mê hoặc như các sufi thì đạo Hồi sẽ khó có thể bám rễ vào được những nền văn hoá có những khuynh hướng rất khác so với văn hoá Ả-rập. Ngày nay, các tu sĩ mật tông sufi đang rất thành công trong việc truyền bá đạo Hồi ở châu Phi.

Mặc dù đã có những sự phân liệt lớn thành những giáo phái, nhưng đạo Hồi luôn thống nhất ở những điểm cơ bản nhất. Và, dù có là Shii, là Sunni hay Sufi, các cộng đồng Hồi giáo luôn luôn là một cộng đồng tôn giáo - xã hội - chính trị. Đặc trưng tiêu biểu nhất này của đạo Hồi có nguồn gốc không chỉ từ trong lịch sử mà còn từ ngay trong giáo lý của tôn giáo này.

Các tín đồ Hồi giáo tin rằng, họ có bổn phận tuân phục và vâng theo ý chí của Thượng đế. Và, những gì Thượng đế muốn đối với loài người đã được ngài thần khải qua Mohammad và được ghi lại toàn bộ trong kinh Koran. Đối với những người Hồi giáo, kinh Koran là kinh thánh thiêng liêng, và, cùng với Hadith (Sách Tiên tri), là nguồn gốc để đề ra các giáo luật và luật tục Hồi giáo.

Theo tiếng Ả-rập, *koran* có nghĩa là “đọc lại”. Kinh Koran được hình thành từ những gì mà Mohammad tuyên đọc hay đọc lại những lời của Thượng đế thần khải qua ông để cho người của ông dùng để thuyết giảng về tôn giáo mới. Hai mươi năm sau khi Mohammad qua đời, những lời “đọc lại” của ngài được tập hợp lại thành sách, tức kinh Koran.

Kinh Koran gồm 114 chương (gọi là *surah*), chia thành các tiết (*ayah*). Tiên tri Mohammad đã đọc các chương của kinh Koran trong khoảng 12 năm và thuyết giáo về một tôn giáo rất đơn giản. Ông thuyết giảng về một vị Thượng đế đã tạo ra toàn bộ loài người, đã ban cho loài người những thứ tốt đẹp của thế giới này. Thế rồi, khi Mohammad đến Medina, tính chất của các thần khải cũng như vai trò của bản thân vị Tiên tri đã thay đổi. Các chương của kinh Koran bắt

đầu liệt kê một danh sách rất dài các luật lệ và quy định áp dụng cho cộng đồng tín đồ đang ngày một phát triển đông của ông. Chế độ ly dị và đa thê được thiết lập; những tục lệ Do Thái, trong đó có việc quay mặt về một hướng trong khi cầu kinh, cấm ăn thịt lợn và cắt bao quy đầu cho con trai cũng được nêu ra.

Mặc dù có những câu chuyện về Đại Hồng thủy, về Adam, về Abraham(1), nhưng kinh Koran không phải là cuốn sách về lịch sử của người Arập, về cuộc đời của Mohammad, hay về một triết thuyết, mà là cuốn sách của những lời tuyên ngôn: lời tuyên ngôn về sự duy nhất và sự ngự trị độc tôn của Thượng đế, về ngày phán xét sắp tới của Ngài. Bằng nhiều cách diễn tả, thông điệp trung tâm của kinh Koran quy tụ về tính duy nhất độc tôn như: chỉ có một chuỗi duy nhất các nhà tiên tri, chỉ có duy nhất một tiên tri tối hậu - đó là Mohammad, chỉ có một cuốn kinh thánh tối hậu - đó là kinh Koran, chỉ có duy nhất một Dân tộc của Thượng đế - đó là những người toàn tâm toàn ý tuân phục Ngài, và, cuối cùng, chỉ có duy nhất một chúa trời - đó là Allah. Đạo Hồi chỉ công nhận Thượng đế là đáng duy nhất có quyền lực, và không ai được chia sẻ quyền lực với Ngài. Còn Mohammad là vị tín sứ của Thượng đế, người cuối cùng hay là người được công nhận chính thức trong số các tiên tri, và, chỉ là công cụ, là con đường mà Thượng đế dùng để đưa chân lý của Ngài đến cho loài người. Vì thế mà, các tín đồ Hồi giáo tin rằng tôn giáo của họ là một tôn giáo hoàn thiện và tối cao. Bởi vì, theo kinh Koran, Allah là tối thượng, nên tất cả thế giới này và toàn bộ cuộc sống của loài người đều duy nhất chỉ thuộc về Ngài, và, do đó, mọi hành động của con người, sự

hưng vong của các quốc gia và các dân tộc đều nằm trong sự sắp đặt bí ẩn của Thượng đế. Cũng vì vậy mà, theo các tín đồ Hồi giáo, người ta chỉ cần đơn giản tuân phục Thượng đế, sống theo luật lệ mà Ngài đã đề ra trong kinh Koran và hành động theo lời kêu gọi của Thượng đế và của đạo Hồi. Là tín đồ Hồi giáo nghĩa là người phó thác mình cho ý muốn của Thượng đế, nghĩa là người xin theo ý Allah trong tất cả mọi việc.

Nếu coi Thượng đế là Đấng Tối cao, Đáng duy nhất có quyền hành, thì, hiển nhiên, tất cả những gì mà Ngài đặt ra cho xã hội loài người, từ tín ngưỡng đến đạo đức, từ luật pháp cho đến chính quyền, đều có ý nghĩa như những lời răn tôn giáo, và, không ai được phép xa rời những lời răn đó của Ngài. Cũng vì những lý do ấy, đạo Hồi được các tín đồ tuân thủ không chỉ như một tôn giáo mà còn như phương cách sống bao trùm mọi mặt và không thể chối cãi được. Chính từ niềm tin sâu sắc đó, mà bất kỳ khi nào, người Hồi giáo truyền bá đạo Hồi đến đâu, thì họ đồng thời tạo ra những xã hội đặt dưới sự cai trị của các luật lệ dựa trên kinh Koran đến đấy.

Kinh Koran nêu ra rất nhiều các luật lệ mà các tín đồ Hồi giáo phải một mực tuân thủ. Những luật lệ này bao trùm một phạm vi rất rộng, từ những quy tắc ứng xử cá nhân, quan hệ trong gia đình, quan hệ với láng giềng, quan hệ với cộng đồng cho đến đời sống kinh tế và chính trị của quốc gia; từ những công việc hôn nhân và bố thí cho đến những quan hệ với những người không theo đạo Hồi. Đạo Hồi đã biến kinh Koran không chỉ là cuốn sách về những thần khải của Thượng đế, mà còn thành cuốn sách cội nguồn của những luật tục thực tiễn. Ngoài kinh Koran, một cuốn



sách khác có tên là Hadith, tức cuốn sách ghi lại những ngôn hành và những truyền thuyết về Tiên tri Mohammad, cũng trở thành một nguồn gốc nữa để quy định các luật Hồi giáo. Khi có một tình huống thực tiễn xảy ra trong cộng đồng và xã hội Hồi giáo mà phải viện dẫn đến luật, thì các học giả thông thái và các giáo sĩ được công nhận trong cộng đồng sẽ tìm trong kinh Koran và trong Sách Tiên tri (Hadith) những quy định có sẵn để áp dụng. Trong trường hợp, kinh Koran và Hadith không cung cấp được những chỉ dẫn rõ ràng cho một tình huống cụ thể nào đó, thì các toà án Hồi giáo sẽ cố gắng để đưa ra phán quyết dựa trên những tình huống tương tự trong kinh Koran và Hadith, hay các nhà học giả có thẩm quyền trong cộng đồng cùng thảo luận để đi đến thoả hiệp chung. Những luật lệ Hồi giáo rút ra từ kinh Koran và Hadith cũng như các phán quyết của toà án Hồi giáo được gọi là *Shariah* ("con đường của Thượng đế"). Như vậy, *Shariah* chính là kinh Koran và Hadith được bình giải và khai triển bởi những nhà luật học Hồi giáo được thừa nhận. Đối với cộng đồng Hồi giáo, *Shariah* là một cố gắng để đấu tranh với xu hướng lẫn lộn giữa lòng mộ đạo và sự ích kỷ của con người. Việc tuân thủ luật Hồi giáo đã trở thành yêu cầu bức thiết đối với tất cả những ai thuộc về một cộng đồng hay một ngôi nhà Hồi giáo, một khối thống nhất trên thế giới về chính trị, kinh tế, luật pháp và tôn giáo. Theo những người Hồi giáo, sống và hành động theo những chuẩn mực của lý tưởng *Shariah* cũng là biểu hiện của sự tuân phục Allah.

Từ lý tưởng về cộng đồng Hồi giáo-*Umma*(2), xuất hiện ý niệm về jihad hay thánh chiến – cuộc thánh chiến chống lại

những cái trái đạo lý (của Hồi giáo), và, cũng có thể là cuộc chiến thần thánh của các cá nhân chống lại những bản năng tội lỗi của chính họ. Vì thế mà jihad vẫn thường được coi là cột trụ thứ sáu của đạo Hồi. (Chính thức thì mỗi tín đồ Hồi giáo cần phải thực hiện năm bốn phận quan trọng thường được gọi là năm cột trụ của đạo Hồi. Đó là: *Shahadah* hay tuyên xưng đức tin; *Salat* hay cầu nguyện; *Zakat* hay bố thí; *Sawm* hay nhịn ăn trong tháng chay Ramadan và *Haji* hay hành hương về Mekka.)

Sự gắn kết giữa tôn giáo và chính trị của đạo Hồi còn được tăng cường bởi việc đạo Hồi không chỉ thể hiện trong lĩnh vực thờ phụng tôn giáo và thể chế chính trị mà còn đảm đương những chức năng xã hội của cộng đồng. Như các tôn giáo lớn khác trên thế giới, Hồi giáo cũng kêu gọi lòng từ thiện ở các tín đồ. Thế nhưng, không một tôn giáo nào khác, mà chỉ có đạo Hồi là đưa việc biểu lộ thiện tâm thành bốn phận bắt buộc. Một trong năm trụ cột của đức tin Hồi giáo chính là *zakat* hay bố thí trợ giúp cho người nghèo. Thoạt đầu chỉ là bốn phận bắt buộc. Thế rồi sau đó, các nhà nước Hồi giáo coi việc bố thí một phần thu nhập cho các công việc phúc lợi và trợ giúp người nghèo như một nghĩa vụ và biến nó thành một loại thuế trực thu. Tại công việc này, một lần nữa, ta thấy tôn giáo và nhà nước hành động như một cơ cấu thống nhất với nhau. Không chỉ giới hạn trong việc kêu gọi và quy định những cơ chế thực thi lòng từ thiện, đạo Hồi còn xác định bốn phận của các tín đồ trong những mối quan hệ, với gia đình, dòng họ, những người quen thân, cộng đồng Hồi giáo và những người không theo đạo Hồi. Kinh Koran còn xác định bốn

phận và quyền lợi của các tín đồ không chỉ với tư cách là tín đồ mà còn với tư cách “công dân”, như những quy định về quyền tự do ngôn luận, tự do thân thể, an ninh về cuộc sống và tài sản, quyền được sống, tự do tín ngưỡng, tự do lập hội. Có thể thấy rõ những tính chất chính trị trên của Hồi giáo qua một vài luật lệ được rút ra từ kinh Koran và Hadith.

Trong bài diễn thuyết nhân chuyến hành hương cuối cùng về Mekka, Tiên tri Mohammad nói: “Không ai được lấy đi cuộc sống và tài sản của các bạn cho đến khi các bạn gặp được Đấng chúa tể trong ngày phục sinh.” Khi đó, Ngài cũng nói: “Bất cứ ai mà giết chết một người ngụ cư (tức một người không theo đạo Hồi sinh sống trong một đất nước Hồi giáo) thì người đó sẽ chẳng được ngủ thấy mùi thơm của Thiên đàng.” Trong kinh Koran, có đoạn nói về việc tôn trọng danh dự của người khác: “Ôi, Đấng được tôn thờ, xin đừng để những người này lấy người khác ra làm trò cợt nhạo. Đừng làm mất danh dự của người khác. Đừng sỉ nhục người khác bằng cách đặt tên lóng. Đừng nói xấu ai sau lưng.” Tự do cá nhân được kinh Koran bảo vệ: “Không được dò la người khác và không được tự tiện xông vào nhà người ta nếu không được chủ nhà cho phép.” Về tự do tín ngưỡng và nhận thức, kinh Koran tuyên bố: “Không được cưỡng bức trong vấn đề đức tin.” Đạo Hồi cấm bắt giam bất kỳ một cá nhân nào trước khi chứng minh được tội lỗi của người đó trước một tòa án Hồi giáo. Đạo Hồi cho phép tự do tư tưởng và phát biểu ý kiến, với điều kiện việc làm đó không gây nguy hại cho các cá nhân khác và cho xã hội nói chung. Vào thời Mohammad còn sống, theo lời kể của các câu chuyện trong kinh Koran,

những người Hồi giáo thường hỏi ông về nhiều vấn đề khác nhau. Nếu, trong những trường hợp không nhận được thần khải từ Thượng đế giả đáp cho những vấn đề đó, thì Tiên tri cho phép các tín đồ tự do phát biểu các ý kiến cá nhân của họ. Đạo Hồi công nhận những người nghèo khó được quyền yêu cầu giúp đỡ từ những người may mắn hơn, và, “của cải của họ được coi là để giúp cho những người nghèo khó và cơ cực.” (lời kinh Koran). Hồi giáo cho phép các tín đồ được phép thành lập các .hội đoàn, đảng phái và các tổ chức với điều kiện là phải tuân theo những luật lệ của đạo Hồi. Rút ra từ kinh Koran và Hadith, đạo Hồi còn đặt ra nhiều quy định khác nữa mà các tín đồ phải tuân thủ. Ví như: không được uống rượu hay dùng các chất kích thích bất hợp pháp; đàn ông và đàn bà không cùng một gia đình bị cấm không được động chạm vào nhau; phụ nữ nhận được số tài sản thừa kế bằng một nửa của đàn ông; trong một vụ tranh chấp hay kiện tụng, lời chứng của hai người phụ nữ có giá trị tương đương với lời chứng của một người đàn ông; các tín đồ phải ăn uống bằng tay phải; tay trái dùng cho việc rửa ráy sau khi vệ sinh.

Một khía cạnh khác của vai trò chính trị - xã hội của Hồi giáo là chức năng đảm bảo giáo dục. Trong các nước Hồi giáo, thánh đường có trước trường học. Mãi cho đến thế kỷ 20, ở hầu hết các nước Hồi giáo Ả-rập, đều không có các trường học thế tục. Trẻ em được dạy dỗ ngay trong thánh đường. Những người dạy dỗ các em là những nhà lãnh đạo tôn giáo trong các cộng đồng. Những ông thầy này đảm bảo việc dạy các con em họ dựa trên nền tảng của kinh Koran và Hadith. Trường học trong các thánh đường có tên bằng tiếng